

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP HÀ NỘI
KHOA LỊCH SỬ

VŨ DƯƠNG NINH

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC ASEAN

Công trình khoa học mang mã số B.91.05.08

do Bộ giáo dục và Đào tạo quản lý

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP HÀ NỘI
KHOA LỊCH SỬ
2002
KHO LƯU TRỮ
CỔNG THÔNG TIN VÀ ĐỒ SỐ

24/10/95

HÀ NỘI-1993

LỜI MỞ ĐẦU

1)- Trong vài chục năm gần đây , sự phát triển của các nước ASEAN đã gây nên sự chú ý đặc biệt trong dư luận thế giới , trong tâm mắt của các nhà nghiên cứu quốc tế . Bởi vì , hơn ở đâu hết trong thế giới thứ ba , thành tựu kinh tế ASEAN thường được sơ đồ hoá bằng mũi tên theo hướng đi lên, độ tăng trưởng tương đối ổn định và có khi đạt tới 2 con số , mức sản phẩm bình quân đầu người hàng năm tăng tiến rõ rệt, cơ cấu kinh tế biến đổi cùng với những tiến bộ khoa học kỹ thuật .

Đối với Việt Nam , một quốc gia trong khu vực có nhiều điểm tương đồng với các nước láng giềng , bắt đầu bước vào cuộc hành trình kiến quốc sau ba chục năm chiến tranh , thì những kinh nghiệm thành công và thất bại của ASEAN có ý nghĩa rất quan trọng . Từ đó có thể tìm ra cho mình những bước nên đi và những điều nên tránh , so sánh và chọn lựa những bài học phù hợp với mục tiêu của dân tộc và hoàn cảnh của đất nước .

Với ý nghĩa đó , hướng nghiên cứu được xác định là "Một số vấn đề trong sự phát triển của các nước ASEAN" trong đề tài mang mã số B.91.05.08 do Bộ Giáo dục và đào tạo quản lý .

2)- Kết quả nghiên cứu này là sự tiếp nối của công trình đã xuất bản "Các nước ASEAN" (Vũ Dương Ninh chủ biên , Nxb Thông tin lý luận và Ban KHXH thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh xuất bản 1991) . Có thể coi đó như bước đầu nghiên cứu cơ bản về từng nước ASEAN về các mặt thiên nhiên và con người , lịch sử và hiện tại , chính trị và những bước phát triển kinh tế.

Đến nay , công trình này đi sâu phân tích một số mặt quan trọng của các nước ASEAN mà chúng ta đang quan tâm . Cho nên đây không phải là một cuốn sách hoàn chỉnh được sắp xếp theo trình tự thời gian , mà chỉ trình bày một số vấn đề được chọn lựa như sau :

- Về sự phát triển của các nước ASEAN
- Về hệ thống chính trị trong các nước ASEAN
- Về những nguyên nhân phát triển của các nước ASEAN
- Về sự hoà nhập của Việt Nam vào ASEAN

3)- Trong qua trình nghiên cứu , những kết quả bước đầu đã được sử dụng vào công tác hàng ngày. Đó cũng là sự thử nghiệm để tiếp tục bổ sung vào công trình . Cụ thể² là :

3.1 - Xây dựng thành các chuyên đề khoa học giảng tại Khoa Sư DHTHHN , Khoa Sư BHSP Huế , Viện Châu Á - Thái Bình Dương , Khoa Báo chí Đại học Tuyên giáo , Khoa Báo chí DHTHHN ...

3.2 - Trình bày tại các Hội thảo khoa học về các đề tài :

Kx 01 06 : Con đường phát triển của các nước đang phát triển - nhóm các nước ASEAN (Viện CA-TBD , Viện ENA) ;

Kx 05 02 : Chính trị và hệ thống chính trị các nước TBCN - Nhóm các nước ASEAN (Học viện Nguyễn Ái Quốc) ;

Kx 05 05 : Cơ chế thực hiện dân chủ - phân so sánh với ASEAN (Viện chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh)

Về chiến lược phát triển ở khu vực Châu Á (viện CA-TBD)

3.3 - Công bố trên các tạp chí khoa học :

- Nhìn lại nửa thế kỷ đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á
Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á số 2.1992

- Nền dân chủ tư sản và sự vận dụng những kinh nghiệm thực tiễn
Tạp chí Thông tin Lý luận số 9.1992

- Quan hệ Việt Nam - Thái Lan trong mối quan hệ khu vực
Kỷ yếu "Quan hệ Việt Nam-ASEAN" 1992 - Viện CA-TBD xuất bản

- Vài nét về hệ thống chính trị các nước ASEAN
Kỷ yếu đề tài Kx. 05 05 , Học viện Nguyễn Ái Quốc xuất bản (đang in)

- Việt Nam trong sự hoà nhập vào ASEAN
Thông báo khoa học 1992 - Bộ GD-ĐT xuất bản (đang in)

3.4 - Các công trình trên được coi là bước chuẩn bị cho việc biên soạn cuốn "Lịch sử Đông Nam Á thế kỷ XX" đăng ký tại Nxb Giáo dục 1993 , dùng trong các trường đại học và cao đẳng , làm tài liệu cho những người quan tâm đến vấn đề này .

4)- Đoạn cuối của phần này xin giành cho sự bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Vụ quản lý khoa học Bộ GD-ĐT , Phòng khoa học và thiết bị Trường ĐHTHVN đã giúp đỡ về mặt kế hoạch và kinh phí để thực hiện công trình này . Xin cảm ơn sự cộng tác nghiên cứu và đóng góp ý kiến qua các hội thảo của các bạn đồng nghiệp Viện Đông Nam Á , Viện Châu Á - Thái Bình Dương , Viện Quan hệ quốc tế , Viện Kinh tế thế giới , Khoa Sư trường ĐHTHVN ... Chân thành mong chờ ý kiến đóng góp của các bạn đồng nghiệp .

Hà Nội ngày 10 tháng 2 năm 1993

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Vấn đề I :

VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC ASEAN

I/. SỰ THÀNH LẬP HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á - ASEAN

1)- Từ sau năm 1945 , ở Đông Nam Á đã ra đời nhiều quốc gia độc lập dưới những hình thức khác nhau :

Năm 1945 - Indônêxia , Việt Nam , Lào tuyên bố độc lập

Năm 1946 - Mỹ trao trả độc lập cho Philippin

Năm 1947 - Anh trao trả độc lập cho Mianma

Năm 1957 - Anh trao trả độc lập cho Malai ; đến năm 1963 thành lập Liên bang Malaixia

Năm 1965 - Singapo tách khỏi Liên bang Malaixia , tuyên bố Cộng hoà

Năm 1984 - Anh trao trả độc lập cho Brunây

Thái Lan vốn là quốc gia không bị biến thành thuộc địa trực tiếp của đế quốc nào nên sau chiến tranh thế giới thứ Hai , Thái Lan vẫn là quốc gia độc lập .

2)- Từ sau khi giành được độc lập , các nước Đông Nam Á luôn có ý thức thành lập một tổ chức khu vực nhằm tạo nên sự hợp tác phát triển trên các lĩnh vực kinh tế , khoa học kỹ thuật và văn hoá ; đồng thời hạn chế ảnh hưởng của các nước lớn tìm mọi cách để biến Đông Nam Á thành "vườn sau" của họ . Nó cũng bao hàm dụng ý "ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản" đang thắng thế ở Trung Quốc và các nước Đông Dương .

Đế quốc Mỹ năm 1954 đã thành lập khối quân sự Đông Nam Á SEATO , lôi kéo 2 nước trong khu vực là Thái Lan và Philippin vào cuộc chiến tranh chống Việt Nam . Tổ chức này tồn tại cho đến khi Mỹ hoàn toàn thất bại trong chiến tranh Đông Dương thì phải tuyên bố giải tán . Một số nước khác như Malaixia, Singapo tham gia các khối quân sự ANZUS (1952) và ANZUK (1971). Các tổ chức này đặt dưới cái ô bảo hộ của Mỹ hay của Anh .

Mặt khác , trong quá trình tìm kiếm sự hợp tác giữa các nước Đông Nam Á , đã xuất hiện nhiều sáng kiến :

Tháng 1-1959 : SEAFET - Hiệp ước hữu nghị và kinh tế Đông Nam Á , bao gồm Malai và Philippin

Tháng 7-1961 : ASA - Hội Đông Nam Á gồm Malai , Philippin , Thái Lan

Tháng 8-1963 : MAPHILINDO - tổ chức gồm Malaixia , Philippin , Indônêxia

Những sáng kiến trên đều không trở thành hiện thực do sự bất đồng giữa các nước về các vấn đề lãnh thổ và chủ quyền .

Cho đến ngày 8-8-1967 , Hiệp hội các nước Đông Nam Á , viết tắt là ASEAN được thành lập . Ban đầu có 5 nước là Thái Lan , Singapo , Indônêxia , Malaixia và Philippin ; năm 1984 có thêm Brunây là những thành viên chính thức .

3)- Từ sau khi thành lập, ASEAN đã có những văn kiện chính thức sau đây :

- Tuyên bố Băngcôc năm 1967 là bản tuyên ngôn thành lập tổ chức ASEAN . Nội dung gồm 7 điểm , xác định mục tiêu phát triển kinh tế và văn hoá , hợp tác thúc đẩy tiến bộ xã hội của các nước thành viên trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực .

- Tuyên bố Kuala Lumpur năm 1971 đưa ra đề nghị xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hoà bình , tự do và trung lập (gọi tắt là ZOPFAN (Zone of Peace , Freedom and Neutrality)

- Hiệp ước Bali năm 1976 nêu lên 6 nguyên tắc :

Tôn trọng độc lập , chủ quyền , bình đẳng , toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các nước ;

Quyền của mỗi quốc gia được làm chủ vận mệnh của mình , không bị sự can thiệp , lật đổ hay gây sức ép từ bên ngoài ;

Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau ;

Giải quyết sự bất đồng hoặc tranh chấp bằng giải pháp hoà bình ;

Khước từ sự đe dọa bằng vũ lực và sử dụng vũ lực ;

Hợp tác có hiệu quả giữa các nước

Hiệp ước nhấn mạnh đến sự hợp tác song phương hay đa phương giữa các nước trong Hiệp hội hay với nước ngoài Hiệp hội , trên các bình diện kinh tế , xã hội , văn hoá , khoa học kỹ thuật ... Xây dựng nền móng vững chắc cho sự thịnh vượng , cho cộng đồng các quốc gia hoà bình và nâng cao mức sống của nhân dân .

Hiệp ước đề ngõ cửa cho sự tham gia của các quốc gia Đông Nam Á khác tán thành nguyên tắc Bali , thực hiện tinh thần ZOPFAN , biến Đông Nam Á thành một khu vực phi hạt nhân .

Tán thành những nguyên tắc trên , ngày 22/7/1992 , tại Manila , Việt Nam chính thức tham gia Hiệp ước Bali . Trở thành một bên của Hiệp ước Bali , lần đầu tiên Việt Nam tham gia một hiệp ước có tính chất khu vực. Đó là bước đầu tiên , cơ bản và cần thiết , tạo cơ sở để Việt Nam hoà nhập vào các hoạt động của khu vực Đông Nam Á .

II/. NHỮNG CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CÁC NƯỚC ASEAN

1)- Các nhà kinh tế học phân tích sự phát triển kinh tế qua nhiều dữ liệu về cơ cấu thành phần kinh tế công nghiệp và nông nghiệp , thương nghiệp và dịch vụ , mức độ lạm phát và thất nghiệp , cán cân thanh toán và nợ nước ngoài ... Trong khuôn khổ nghiên cứu dưới góc độ sử học , chúng tôi

chọn lựa một số thống kê cơ bản phản ánh sự biến động về :

- Tổng sản phẩm trong nước : GDP - Gross Domestic Product

- Sản phẩm quốc gia bình quân đầu người : GNP per cap - Gross National Product per capita

- Độ tăng trưởng của tổng thu nhập trong nước : GDP growth

Đương nhiên những số liệu này không nói lên đầy đủ , song có thể cung cấp một cái nhìn khái quát những diễn tiến của nền kinh tế các nước ASEAN trong 2 thập niên 70 & 90 .

2)- Bảng thông kê :

Bảng 1 : GDP - đơn vị : triệu đôla Mỹ

Nước	1970	1980	1990
Indônêxia	9440	69560	89382
Malaixia	4233	23124	38101
Philippin	8634	33492	44045
Singapo	1971	10988	34298
Thailan	7506	31289	66725

Bảng 2 : GNP per cap - đơn vị : đôla Mỹ

Nước	1970	1980	1990/ 92
Indônêxia	80	470	545 / 605
Malaisia	390	1680	2305 / 2475
Philippin	230	680	727 / 725
Singapo	950	4550	11575 /
Thailan	210	670	1418 / 1605
Brunây	/	/	17000 /

Bảng 3 : Độ tăng trưởng - GDP growth : tính tỷ lệ phần trăm trên chỉ số năm trước là 100

Nước	1970	1980	1990
Indônêxia	8,3	9,4	7,0
Malaixia	6,7	7,4	10,0
Philippin	4,2	5,2	3,0
Singapo	8,2	9,7	8,3
Thailan	9,6	4,8	10,0
Brunây	/	/	4,5

Nguồn : - Số liệu về 1970 và 1980 lấy từ : Key indicators of Developing Asian and Pacific countries July 1991 ; World Tables 1989-90 và 1989-91 : dẫn theo Lê Văn Toàn-Trần Hoàng Kim "Kinh tế các nước ASEAN và khả năng hoà nhập của Việt Nam" Nxb Thống kê , H.1992

- Số liệu về 1990 lấy từ ASIaweek June 28 , 1990

- Số liệu về 1992 lấy từ ASIaweek , December 11 , 1992

3)- Đòi điều nhận xét :

- Tiến hành so sánh vào 2 thời điểm 1970 và 1990 về GDP (bảng 1) và GDP per cap (bảng 2) ở từng nước , có thể thấy độ tăng tiến gấp nhiều lần :
Bảng 4 :

Nước	GDP	GDP per cap
Indônêxia	9,47 lần	6,81 lần
Malaixia	9,00 -	5,91 -
Philippin	5,10 -	3,16 -
Singapo	17,10 -	12,18
Thailan	8,89 -	6,75

Như vậy , GDP tăng từ 5 đến 17 lần , GDP per cap tăng từ 3 đến 12 lần ; Đó chính là những con số rất đáng chú ý nếu so sánh với không ít nước thuộc thế giới thứ ba , nền kinh tế bị suy thoái nghiêm trọng . Trong các nước ASEAN , Singapo luôn luôn giữ vị trí thứ nhất , GDP của Indônêxia , Malaixia

Thái Lan đều tăng ở mức xấp xỉ 10 lần .

- Nếu lấy GNP per cap của các nước ASEAN so sánh với Nhật Bản và các NIC's cùng năm 1992 thì có thể sắp xếp theo thứ tự sau đây (đơn vị đôla US) :

Bảng 5 :

: 1) Nhật Bản	27 326	: 5) Đài Loan	8685	: 8) Thái Lan	1605
: 2) Brunây	17 000	: 6) Nam Triều Tiên	6489	: 9) Philippin	725
: 3) Hongkong	14 102	: 7) Malaixia	2475	: 10) Indônêxia	605
: 4) Singapo	11 575	:			

Xem thế thì thấy rằng trong các nước ASEAN , Brunây và Singapo được xếp hàng thứ 2 và thứ 4 với con số trên 10 000 , bốn nước còn lại vẫn còn một khoảng cách khá xa mới đuổi kịp các nước NIC's . Trong 4 nước đó , cao nhất là Malaixia cũng chưa bằng 1/2 Nam Triều Tiên , thấp nhất là Indônêxia thì chưa đến 1/10 .

Nếu mở rộng sự so sánh thêm một chút thì Ấn Độ -310 đôla , Trung Quốc - 325 , Mianma - 250 và Việt Nam - 200 .

- Sự so sánh trên chưa phải là hoàn toàn chính xác nhưng cũng gợi ra sự suy nghĩ về 2 mặt . Một là , trong khi nhiều nước đang phát triển có nguy cơ tụt lùi về "thế giới thứ tư" (LDC : Least Developed Countries) thì các nước ASEAN vẫn giữ được chiều hướng tăng tiến . Và có lý khi dự luận dự báo rằng Malaixia và Thái Lan sẽ bước vào hàng ngũ những "con rồng nhỏ" châu Á . Hai là , khoảng cách còn quá xa giữa một số nước ASEAN với các nước khác cho ta nhìn nhận một cách đúng mức hơn , không "huyền thoại" các nước ASEAN quá tầm thực tế của nó . Và do đó có thể thấy được khả năng vươn tới của chúng ta . Sự suy xét bình tĩnh và nghiêm túc sẽ rút ra được những kinh nghiệm bổ ích cho công cuộc xây dựng nước nhà .

Vấn đề II :

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG CÁC NƯỚC ASEAN

Chính trị và hệ thống chính trị của mỗi quốc gia tùy thuộc vào những yếu tố của quá trình lịch sử, đặc điểm về dân tộc và tôn giáo, sắc thái truyền thống và mối quan hệ với bên ngoài. Sự phát triển của mỗi nước có những nét riêng biệt nhưng cũng có những điểm chung, mặc dầu không phải là một khuôn mẫu duy nhất. Tìm trong thực tế đa dạng ấy những nét tương đồng và dị biệt để phân tích nguồn gốc và vận dụng kinh nghiệm vào cuộc sống hiện tại là điều có ý nghĩa thiết thực. Nhất là giới hạn khu vực được khuôn định trong phạm vi các nước ASEAN, giới hạn thời gian được xác định vào nửa sau thế kỷ XX thì những điều rút ra được là gần gũi với hoàn cảnh Việt Nam, từ đó có thể tìm ra đôi điều bổ ích cho công cuộc xây dựng đất nước theo đường lối đổi mới hiện nay.

I/. NHÌN LẠI LỊCH SỬ : SỰ ĐUNG ĐỘ GIỮA HAI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐÔNG-TÂY

Vào những năm đầu tk XVI, người Bồ Đào Nha đã đi tiên phong trong việc mở một con đường biển cho các thương thuyền từ châu Âu, ven quanh lục địa châu Phi, đến châu Á. Đặt chân lên bờ biển Ấn Độ, họ lập thương điểm rồi đi về phía đông tìm kiếm "quần đảo hương liệu". Hơn nửa thế kỷ sau, người Tây Ban Nha đã vượt 2 đại dương, dùng chân ở Philippin, xâm nhập dần vào các vùng đảo biển Đông rồi trở về châu Âu, lập được một vòng khép kín địa cầu. Hai kỳ tích ấy đã mở đường cho sự tiếp xúc giữa 2 nền văn minh Đông-Tây, đồng thời khai sinh chủ nghĩa thực dân trên quy mô thế giới. Ròng rà 3 thế kỷ tiếp theo, các nước Âu Mỹ lần lượt đi về phương Đông, từ thương nhân đến giáo sĩ, từ nhà ngoại giao đến nhà quân sự để rồi cuối cùng, vào nửa sau tk XIX, họ chinh phục xong hầu hết các quốc gia trong khu vực.

Trong cuộc giao tiếp này, hai quốc gia lớn trong khu vực với hai nền văn minh lâu đời rực rỡ - Ấn Độ và Trung Hoa - lần lượt rơi vào vòng kiểm soát của chủ nghĩa thực dân. Cùng với nó, các quốc gia nằm trong ảnh hưởng Hán hoá và Ấn hoá ở miền Đông Nam Á đều không thoát khỏi cuộc tấn công xâm lược từ phương tây và bị biến thành vùng đất phụ thuộc.

Thất bại của phương Đông là hậu quả không tránh khỏi của sự đung độ giữa 2 nền kinh tế và kỹ thuật: nền kinh tế tự nhiên của nông nghiệp dựa trên cơ sở kỹ thuật lạc hậu chống đỡ yếu ớt trước sức mạnh của nền kinh tế

tư bản chủ nghĩa dựa trên kỹ thuật công nghiệp đang ngày càng cải tiến và giành được những thành tựu khổng lồ trong sản xuất, tạo nên một khối lượng hàng hoá tốt, rẻ và nhiều gấp bội.

Nhìn từ góc độ khác thì đây chính là sự đụng độ giữa 2 hệ thống chính trị hết sức chênh lệch của 2 phương trời Đông và Tây. Nhiều quốc gia châu Á đã sớm hình thành một hệ thống quyền lực tập trung với bề dày thời gian hàng trăm năm. Nhưng nó cũng mang trên mình một bộ máy cai trị nặng nề, trì trệ và ngày càng tỏ ra kém hiệu lực khi phải đối phó với những biến động mới. Nếp suy nghĩ thủ cựu trên cơ sở một ý thức hệ đã lỗi thời, tầm nhìn hạn hẹp không thấu tới những chân trời đã rạng sáng của một nền văn minh mới giam hãm giai cấp cầm quyền trong vòng luân quán, vừa không đủ sức mạnh để chống đỡ sự xâm nhập từ bên ngoài, vừa không đủ tinh táo để tiếp nhận những yếu tố mới của trào lưu tân tiến. Vì thế, dù được nung nấu bởi lòng yêu nước nhiệt thành và ý chí quyết tâm chống ngoại xâm thì những cuộc nổi dậy bằng bạo lực dưới ngọn cờ của vương triều hay dưới sự chỉ huy của các thủ lĩnh nông dân đều kết thúc thất bại. Có thể rút ra nhiều kinh nghiệm lịch sử về việc không phát động lực lượng quần chúng, về năng lực chỉ huy chiến tranh; cũng có thể kết tội những triều vua đã cam tâm bán nước, coi rẻ lợi ích dân tộc... Song cái gốc chính là nền chính trị và hệ thống chính trị của các quốc gia phương Đông hồi đó đã thực sự bất cập khi phải ứng phó với tình hình mới, khi phải tiếp nhận nền văn minh mới. Các triều đại phong kiến ở Bắc Kinh, Phnôm Pênh, Viêng Chăn, Rangun, Huế... đều nằm trong bi kịch lịch sử đó.

Nhưng cùng một khoảng không gian ở Đông Á và Đông Nam Á, cùng một khoảng thời gian nửa sau tk XIX, cùng một hoàn cảnh của nhà nước phong kiến bị Phương Tây đe dọa, Nhật Bản, và mức thấp hơn là Thái Lan, đã thoát khỏi nạn cơ bị biến thành thuộc địa. Không phản ứng bằng những cuộc khởi nghĩa vũ trang, họ đã khôn khéo lái con thuyền quốc gia giữa cơn xoáy của thời cuộc để khỏi bị nhấn chìm và ngược lại, vươn lên hàng các nước tư bản. Phương thức hiệu nghiệm của họ là ở chỗ sớm biết tiếp thụ nền văn minh từ phương Tây đưa tới, sớm cải cách đất nước theo xu hướng hiện đại, cụ thể là làm theo mẫu hình phương Tây một cách có chọn lựa. Vào thời đó, hiện đại hoá (modernisation) và phương Tây hoá (occidentalisation) là đồng nghĩa với cải cách (réformation). Từ kinh nghiệm của các nước Âu Mỹ, các nhà vua Meiji của Nhật Bản và Chulalongkorn của Thái Lan đều quan tâm trước tiên đến việc cải cách hệ thống chính trị của đất nước. Trong khi từng bước hướng nền kinh tế hoà nhập dần vào quỹ đạo TBCN thì đồng thời, họ tính đến việc xây dựng một chính thể mới cùng với cơ cấu tổ chức của nó.